TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** TỈNH QUẢNG NGÃI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày: 20-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Dũng
Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 17/01/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Quốc N, sinh ngày 17/4/1990 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên là nhân viên công ty tài chính TNHH MTV H; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T và bà Dương Thị B; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/07/2019 đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H; địa chỉ trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 Nguyễn Đăng G, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông D, chức danh: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Chuyên viên an ninh Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H là người đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền số 154/2019/GUQ-SE ngày 03-5-2019; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phan Vũ Nguyệt L, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 5, thôn A 3, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Minh D, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 08 Q, thành phố Q, tỉnh

Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Ông Phạm Thế T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 861 Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Trang T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 01, phường Nghĩa Lộ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

7. Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 4, thôn T 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt ngày 14 và vắng mặt ngày 20/2/2020.

8. Ông Hồ Văn L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Mậu H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

10. Ông Phạm Đăng H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 2, thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

11. Ông Dương Tấn D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt ngày 14 và vắng mặt ngày 20/2/2020.

13. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt ngày 14 và vắng mặt ngày 20/2/2020.

14. Ông Trần Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt ngày 14 và vắng mặt ngày 20/2/2020.

15. Ông Trần Khắc D, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 239 T, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

16. Ông Trần Như S, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu dân cư số 38, Đội 10, Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt ngày 14 và vắng mặt ngày 20/2/2020.

17. Ông Lương Thế Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc N làm việc tại Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H (sau đây gọi tắt là Công ty) từ tháng 01/2016 đến ngày 20/11/2018 theo hợp đồng thử việc ngày 05/01/2016; hợp đồng lao động số HDLD/DF-2016/0024484 ngày 05/01/2017; phụ lục hợp đồng lao động số HDLD/DF-2016/0024484-01 ngày 01/03/2017; hợp đồng lao động số HD/XD12-201803/0024484 ngày 01/3/2018. N được Công ty phân công nhiệm vụ là hỗ trợ kinh doanh cho Công ty tại các Cửa hàng điện tử trên địa bàn thành phố Q mà công ty ký kết như: Kỹ thuật số F 2 (địa chỉ: 725 Q); Quốc N (địa chỉ 242 N); V (địa chỉ 558 Q); T (địa chỉ 75 H); Kỹ thuật số F 1 (địa chỉ 411 Q); TQ (địa chỉ 1192 Q); để làm các thủ tục ký kết hợp động cho vay trả góp với các khách hàng có nhu cầu mua hàng tại các cửa hàng nêu trên.

Từ tháng 04/2018 đến tháng 11/2018, Trần Quốc N được Công ty phân trực chính tại cửa hàng xe máy thương mại tổng hợp (địa chỉ 451 Q, TP Q). Tại đây, trong khoảng thời gian từ ngày 27/9/2018 đến ngày 22/10/2018 vì cần tiền để trả nợ (do thua độ bằng hình thức chơi cá cược đá bóng ăn thua bằng tiền qua mạng*)* nên N đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty bằng thủ đoạn lợi dụng kẽ hở trong quy trình thẩm định hồ sơ vay trả góp của Công ty, N sử dụng mã code do công ty cung cấp truy cập vào máy tính của công ty để tải thông tin, hình ảnh, giấy tờ như sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của các hợp đồng tín dụng cũ của khách hàng trước đây đã từng làm hợp đồng tín dụng và đã thanh toán hết nợ với Công ty; đối với những ảnh chụp khách hàng đã từng ký hợp đồng trước đó, N phóng to cận mặt khách hàng và chụp lại để lưu hồ sơ khách hàng; số điện thoại khách hàng trong hồ sơ N sử dụng các sim "rác" để trả lời những cuộc gọi thẩm định của Công ty, rồi vứt bỏ. Sau đó N sử dụng mã code của các Cửa hàng điện thoại di động mà N được Công ty cấp như: Kỹ thuật số F2, địa chỉ: 725 Q; Quốc N, địa chỉ 242 N; Vl, địa chỉ 558 Q; T, 75 H; Kỹ thuật số F 1, địa chỉ 411 Q; TQ, địa chỉ 1192 T; để thực hiện làm giả 14 hợp đồng tín dụng của 14 khách hàng để chiếm đoạt tài sản của Công ty với tổng số tiền là: 89.457.000 đồng (*Tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*), cụ thể:

- Tại Cửa hàng F, địa chỉ 725 Q (Mã shop: 230128):

Hợp đồng số 3804111612, ký ngày 29/09/2018, của khách hàng Lê Thị Trang T (SN: 1986; TT L, T, Quảng Ngãi); sản phẩm: Điện thoại di động Oppo F9 trị giá: 7.690.000 đồng, trả trước 800.000 đồng; vay Công ty: 7.096.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 206.000 đồng), nợ còn lại là 7.096.000 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804279381, ký ngày 11/10/2018 của khách hàng Nguyễn

Tấn L (SN: 1988; Tổ 1, phường N, Quảng Ngãi); sản phẩm: Điện thoại di động Oppo F9 trị giá: 7.690.000 đồng, trả trước 1.000.000 đồng; vay Công ty: 6.891.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 201.000 đồng), nợ còn lại là 6.891.000 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804342739, ký ngày 15/10/2018 của khách hàng Nguyễn Thanh H (SN: 1989; Thôn A, xã P, Đ, Quảng Ngãi); sản phẩm: Điện thoại di động Oppo F9 trị giá: 7.690.000 đồng, trả trước 800.000 đồng; vay Công ty: 7.097.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 207.000 đồng), nợ còn lại là : 7.097.000 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804448413, ký ngày 22/10/2018 của khách hàng Huỳnh Quốc T (SN: 1976; Xã P, huyện Đ, Quảng Ngãi); sản phẩm điện thoại di động XIAOMI A2 LITE trị giá 4.999.000 đồng, trả trước 1.500.000 đồng; vay Công ty 3.499.000 đồng, nợ còn lại là 3.499.000 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- *Tại Cửa hàng QN; địa chỉ 242 N (Mã shop: 230041):*

Hợp đồng số 3804247037 ký ngày 09/10/2018 của khách hàng Hồ Văn L (SN: 1993; Xã P, huyện Đ, Quảng Ngãi); sản phẩm Điện thoại di động Oppo F9 trị giá: 7.690.000 đồng, trả trước 800.000 đồng, vay Công ty 7.097.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 207.000 đồng), nợ còn lại là: 7.097.000 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804355829, ký ngày 16/10/2018 của khách hàng Nguyễn Mậu H (SN: 1983; xã H, huyện N, Quảng Ngãi); sản phẩm Điện thoại di động Oppo F9 trị giá 7.690.000 đồng, trả trước 800.000 đồng; vay Công ty 6.890.000 đồng; nợ còn lại là: 6.890.000 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804440882, ký ngày 22/10/2018 của khách hàng Phạm Đăng H (SN: 1993; xã N, huyện T, Quảng Ngãi); sản phẩm Điện thoại di động Oppo F9 trị giá 7.690.000 đồng, trả trước 1.000.000 đồng; vay Công ty 6.891.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 201.000 đồng), nợ còn lại là 6.891.000 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804324367, ký ngày 14/10/2018, của khách hàng Dương Tấn D (SN: 1984; xã P, huyện Đ, Quảng Ngãi); sản phẩm Điện thoại Oppo F9 trị giá 7.690.00 đồng, trả trước 800.000 đồng, vay Công ty: 7.097.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 207.000 đồng), nợ còn lại là : 7.097.000 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- *Tại Cửa hàng V; địa chỉ: 558 QT (Mã shop: 230131)*:

Hợp đồng số 3804154374 ký ngày 02/10/2018 của khách hàng Nguyễn Tấn P (SN: 1977; xã Đ, huyện M, Quảng Ngãi), sản phẩm Điện thoại Oppo F9 trị giá 7.690.000 đồng; trả trước 800.000 đồng; vay Công ty 6.890.000 đồng; nợ

còn lại là: 6.890.000 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804261355, ký ngày 10/10/2018 của khách hàng Nguyễn Văn T (SN: 1985; xã N, huyện T, Quảng Ngãi); sản phẩm Điện thoại Oppo A3S 16GB trị giá 3.690.000 đồng, trả trước 500.000 đồng, vay Công ty 3.285.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 95.000 đồng), nợ còn lại là: 3.285.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Hợp đồng số 3804381870 ký ngày 18/10/2018 của khách hàng Trần Văn C (SN: 1991; xã T, TP Q), sản phẩm Điện thoại Oppo F9 trị giá 7.690.000 đồng, trả trước 800.000 đồng; vay Công ty 7.097.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 207.000 đồng), nợ còn lại là: 7.097.000 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Tại Cửa hàng T; địa chỉ: 75 H (Mã shop: 230125):

Hợp đồng số 3804082849 ký ngày 27/09/2018 của khách hàng Trần Khắc D (SN: 1985; xã Đ, huyện M, Quảng Ngãi); sản phẩm Điện thoại Oppo F9 trị giá 7.690.000 đồng, trả trước 1.000.000 đồng, vay Công ty 6.890.000 đồng (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 200.000 đồng), thanh toán kỳ trả góp tháng 10/2018 số tiền 1.250.000 đồng, nợ còn lại là: 5.640.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Tại Cửa hàng F; địa chỉ 411 QT (Mã shop: 230071):

Hợp đồng số 3804145607 ký ngày 01/10/2018 của khách hàng Trần Như S (SN: 1987; xã Đ, huyện M, Quảng Ngãi), sản phẩm Điện thoại Oppo F9 trị giá 7.690.000 đồng, trả trước 800.000 đồng, vay Công ty 7.097.000 đồng; (bao gồm tiền sản phẩm và phí bảo hiểm 207.000 đồng), nợ còn lại là: 7.097.000 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Tại Cửa hàng T; địa chỉ: 1192 – 1194 QT (Mã shop: 230142):

Hợp đồng số 3804398777, ký ngày 19/10/2018 của khách hàng Lương Thế Q (SN: 1989; xã Đ, huyện M, Quảng Ngãi), sản phẩm Điện thoại Oppo F9 trị giá 7.690.000 đồng, trả trước 800.000 đồng, vay Công ty 6.890.000 đồng, nợ còn lại là: 6.890.000 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Sau khi lập giả 14 hợp đồng nói trên Trần Quốc N trực tiếp ký giả tên khách hàng vay vào 03 hợp đồng đề tên Nguyễn Thanh H, Hồ Văn L, Trần Văn C, 11 hợp đồng còn lại N nhờ Phạm Thế T ký giúp tên khách hàng vay vào hồ sơ đề tên Nguyễn Tấn P, 10 hợp đồng còn lại N nhờ những khách hàng đến mua hàng tại các cửa hàng do N trực để ký giúp, do đó N không biết và nhớ họ là ai, ở đâu và tên gì.

Sau khi hoàn tất hợp đồng, Trần Quốc N trực tiếp cầm 14 hợp đồng giả lập đến các cửa hàng nêu trên để nhận sản phẩm và bán lại 14 sản phẩm là điện

thoại di động cho các cửa hàng: Cửa hàng điện thoại M do ông Phạm Minh D làm chủ với số lượng khoảng 02 – 03 máy với giá khoảng 5.000.000 đồng/ máy và cửa hàng điện thoại T do ông Phạm Thế T làm chủ với số lượng khoảng 03 – 05 máy với giá khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ máy; số điện thoại còn lại N đem bán cho các cửa hàng thu mua điện thoại trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn từ Thị trấn L, huyện T đến thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (nhưng không nhớ địa chỉ cụ thể). Tổng số tiền do N bán 14 điện thoại trên là khoảng 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này bị cáo sử dụng để trả nợ.

Sau khi Trần Quốc N bị Công ty phát hiện việc lập giả 14 hợp đồng tín dụng và chiếm đoạt số tiền 89.457.000 đồng, ngày 22/11/2018 Đại diện Công ty và Trần Quốc N thỏa thuận việc khắc phục hậu quả do hành vi của N gây ra và đồng ý cấn trừ số tiền 3.609.000 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng) để khắc phục hậu quả đối với hợp đồng số 3804261355 (đề tên khách hàng Nguyễn Văn T).

Qua làm việc với 14 khách hàng trong các hợp đồng giả do Trần Quốc N lập đều xác nhận từng tham gia vay trả góp mua các sản phẩm điện tử, trong quá trình làm hợp đồng tín dụng các khách hàng này đã cung cấp thông tin cá nhân và giấy tờ tùy thân cho công ty nhưng đã thanh toán xong các hợp đồng cũ; đồng thời xác thực các thông tin cá nhân trong các hợp đồng, hình ảnh, ảnh chụp các giấy tờ tùy thân đều xác thực với bản gốc đang sử dụng; không cho người khác mượn, không thất lạc hoặc thế chấp; trừ số điện thoại trên các hợp đồng nói trên không phải của 14 khách hàng; đồng thời xác nhận không biết và không thực hiện vay mua tiêu dùng như thông tin các hợp đồng nói trên.

Qua xác minh tại 05 (năm) cửa hàng bán điện thoại di động và nhân viên bán hàng (giao hàng) theo hợp đồng do N lập giả nêu trên thì đều xác nhận có bán và giao các sản phẩm điện thoại di động theo như hợp đồng tín dụng do N lập giả nêu trên. Đồng thời, do thời gian giao nhận hàng đã lâu, hàng ngày có rất nhiều trường hợp mua hàng theo hình thức trả góp nên nhân viên giao hàng theo hợp đồng N giả lập không nhớ là đã giao máy cụ thể cho ai; chỉ xác định có giao máy theo hợp đồng đã nói trên (dữ liệu được lưu trữ tại hệ thống cửa hàng). Riêng trường hợp cửa hàng Quốc N hiện đã ngừng hoạt động tại địa chỉ 242 N, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi và đã chuyển địa điểm kinh doanh đến đâu không rõ nên không làm việc được.

Theo Kết luận giám định số 533/KLGĐ-PC09 ngày 01/7/2019 của Công an tỉnh Quảng Ngãi thì trong số 14 mẫu chữ ký, chữ viết giám định trong danh sách 14 hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp của 14 khách hàng thì có 06 (sáu) mẫu giám định không đủ cơ sở để kết luận truy nguyên đồng nhất, tức không xác định được có đúng là chữ ký, chữ viết của N hay không; 01 (một) mẫu giám

định không đủ yếu tố giám định, tức không xác định được có đúng chữ ký, chữ viết của N không; 04 (bốn) mẫu giám định không phải là chữ ký, chữ viết của N; còn 03 (ba) mẫu giám định xác định là đúng chữ ký, chữ viết của N là hợp đồng của 03 khách hàng tên: Nguyễn Thanh H (HĐ số 3804342739, ký ngày 15/10/2018), Hồ Văn L (HĐ số 3804247037, ký ngày 09/10/2018); Trần Văn C (HĐ số 3804381870, ký ngày 18/10/2018).

Theo kết luận giám định số 724/KLGĐ-PC09 ngày 20/9/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định chữ ký và chữ viết của 11 khách hàng còn lại: Lê Thị Trang T, Nguyễn Mậu H, Dương Tấn D, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Văn T, Trần Khắc D, Trần Như S, Nguyễn Tấn L, Phạm Đăng H, Huỳnh Quốc T truy nguyên không đồng nhất với chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng do Trần Quốc N lập giả; chữ ký và chữ viết của bà Phan Vũ Nguyệt L trong phần chữ ký nhân viên tư vấn của hợp đồng Hồ Văn L với chữ ký chữ viết của bà L là do cùng một người viết ra.

Kết luận giám định số 847/KLGĐ-PC09 ngày 04/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định chữ ký, chữ viết của hợp đồng đề tên Nguyễn Tấn P (HĐ số 3804154374 ký ngày 02/10/2018) do ông Phạm Thế T ký tên.

Đối với bà Phan Vũ Nguyệt L cùng làm chung cửa hàng với N, quá trình làm giả hợp đồng do N sử dụng mã code của L khi L quên khóa mật khẩu để thực hiện, do thiếu kiểm tra khi tổng hợp hồ sơ nên bà L ký vào phần nhân viên tư vấn của hợp đồng Hồ Văn L. Qua điều tra, bà L không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Quốc N, không đủ cơ sở xác định đồng phạm nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Phan Vũ Nguyệt L là có căn cứ.

Đối với ông Phạm Thế T khai nhận vì có quen biết nhau nên N có nhờ T ký giúp vào hồ sơ hợp đồng đề tên khách hàng Nguyễn Tấn P. Tuy nhiên T không biết mục đích N nhờ ký là để làm giả hợp đồng nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời T không có động cơ, mục đích vụ lợi gì. Do đó, T không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Quốc N, không đủ cơ sở xác định đồng phạm nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Thế T là có căn cứ.

Đối với ông Phạm Thế T, Phạm Minh D khi mua máy điện thoại di động của Trần Quốc N vì thấy các máy điện thoại do N đem đến bán có nguồn gốc rõ ràng nên mua. Do đó, không có cơ sở xử lý hình sự các ông Phạm Thế T, Phạm Minh D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Quảng Ngãi không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Thế T, Phạm Minh D là có căn cứ.

Đối với những người Trần Quốc N nhờ ký giả 10 hợp đồng còn lại, N khai

không biết và nhớ được ai, địa chỉ ở đâu nên không có cơ sở để làm việc, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi tiếp tục xác minh làm rõ, đề nghị xử lý sau.

Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát N dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trần Quốc N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Quốc N từ 02 năm 6 tháng tù đến 03 năm tù. Về dân sự buộc bị cáo N phải bồi thường cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền còn lại là 85.848.000 đồng, tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo N đã nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Trần Quốc N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, được Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H ký kết các hợp đồng lao động để làm việc tại Công ty từ tháng 01/2016 đến ngày 20/11/2018. Trần Quốc N được Công ty giao nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn khách hàng làm thủ tục vay tiền của Công ty để mua hàng hóa tiêu dùng tại các cửa hàng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi mà Công ty ký kết. Lẽ ra bị cáo N phải thực hiện đúng các quy định của Công ty và chấp hành pháp luật nhưng vì cần tiền để trả nợ do thua độ đá bóng và tiêu xài cá nhân nên trong thời gian ngắn từ ngày 27/09/2018 đến ngày 22/10/2018 bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Công ty tài chính TNHH MTV H bằng phương thức sử dụng tài khoản, mã code cá nhân do Công ty cung cấp trong thực hiện nhiệm vụ để đăng nhập hệ thống máy tính chủ của Công ty lấy thông tin, hình ảnh và giấy tờ của khách hàng trước đây đã từng làm hợp đồng với Công ty để lập giả 14 hợp đồng tín dụng nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 89.457.000 đồng (*Tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*). Với những tài liệu, chứng cứ thu thập được và căn cứ kết luận giám định của cơ quan giám định, đủ cơ sở kết luận với hành vi gian dối của bị cáo Trần Quốc N đã thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại số tiền 89.457.000 đồng đủ căn cứ cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát N

dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan, tổ chức và nếp sống văn hoá lành mạnh của N dân.

[3] Bị cáo N 14 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt mỗi lần trên 2.000.000 đồng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, N thân chưa có tiền án tiền sự, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại với số tiền là 33.609.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả đang được tạm gửi tại Kho bạc Quảng Ngãi. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi quyết định hình phạt chung.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra và tại tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh N đại diện cho người bị hại trình bày: Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H là 89.457.000 đồng, bị cáo đã bồi thường trực tiếp cho Công ty nhận là 3.609.000 đồng, còn lại 85.848.000 đồng yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho Công ty. Xét, yêu cầu của người bị hại là phù hợp nên chấp nhận, buộc Trần Quốc N còn phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của người bị hại đã nêu. Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo N đã nộp được tạm giữ tại kho bạc Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, về dân sự đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm được tính trên khoản tiền bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là: 2.792.400 đồng, [(85.848.000 đồng - 30.000.000 đồng) x 5%].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Quốc N 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc Trần Quốc N còn phải bồi thường cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H số tiền 85.848.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng)*.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) bị cáo Trần Quốc N tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, đã được Công an thành phố Quảng Ngãi nộp vào tài khoản số 3949.0.9043031.00000 tại Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 22/8/2019 để đảm bảo thi hành án.

3. *Về án phí*: Buộc bị cáo Trần Quốc N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.792.400 đồng (*Hai triệu, bảy trăm chín mươi hai ngàn, bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Phòng NVLT CATP Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Mai Hạnh